

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2017/HSST
Ngày 21 - 12 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Hương Nghĩa.
2. Ông Nguyễn Quang Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa:
Ông Phan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2017/TLST - HS ngày 06 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Anh G, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1993; cư trú tại: thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; trình độ văn hóa: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Đỗ Văn Đ và bà Nguyễn Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án: 01 tiền án

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 53/2014/HSST ngày 05/5/2014, Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/9/2015 (đã chấp hành xong án phí tháng 07/2014, về phần bồi thường dân sự do bị hại không có đơn yêu cầu nên không thụ lý giải quyết).

Tiền sự: Không. Nhân thân:

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 27/2011/HSST ngày 20/5/2011, Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng. Bị cáo đã chấp hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm tháng 10/2011.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/9/2017 đến nay (theo Quyết định truy nã số 05 ngày 18/9/2017).

2. Nguyễn Văn T, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1992 (Tên gọi khác: Nguyễn Quang T); cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; trình độ văn hóa: 07/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Dương Thị M; có vợ là Đàm Thị T (đã ly hôn năm 2016) và không có con. Tiền án: 02 tiền án.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 52/2011/HSST ngày 30/9/2011, Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/8/2012 (chấp hành xong án phí tháng 7/2012, về phần bồi thường dân sự do bị hại không có đơn yêu cầu nên không thụ lý giải quyết).

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 25/2015/HSST ngày 21/7/2015, Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/01/2016 (chấp hành xong án phí tháng 9/2015, về phần bồi thường dân sự do bị hại không có đơn yêu cầu nên không thụ lý giải quyết).

Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/8/2017 đến nay.

3. Dương Văn H, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1991; cư trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; trình độ văn hóa: 07/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Dương Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 78/2008/HSST ngày 25/12/2008, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 03 năm tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù (được đặc xá) ngày 30/8/2011, đã chấp hành xong án phí, bồi thường dân sự tháng 08/2010.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 22/2013/HSST ngày 20/3/2013, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/12/2014 (đã chấp hành xong án phí tháng 5/2013).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/8/2017 đến nay.

4. Lê Hồng S, sinh ngày 05/8/1991; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; con ông Lê Hồng T và bà Lê Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/10/2017 đến nay (theo Quyết định truy nã số 06 ngày 02/10/2017).

- *Nguyên đơn dân sự*: Công ty trách nhiệm hữu hạn V; địa chỉ: Khu I, phường P, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lại Xuân Q, sinh năm 1971; chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng (theo văn bản ủy quyền ngày 02/8/2017): Ông Phạm Văn D, sinh năm 1977; cư trú tại: Xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương là nhân viên công ty, “vắng mặt”.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961; cư trú tại: Thôn T, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Đỗ Anh G, Nguyễn Văn T, Dương Văn H và Lê Hồng S bị Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do trước đó, Đỗ Anh G có đi qua nhà kho chứa đồ của Công ty trách nhiệm hữu hạn V ở mỏ đá thuộc thôn G, xã T, huyện B do ông Lại Xuân Q là Giám đốc công ty phát hiện thấy có 01 vòng bi bằng kim loại sáng màu hình tròn rỗng ở giữa, đường kính khoảng 62cm không có người trông giữ nên khoảng 17 giờ 30 phút ngày 01/8/2017, sau khi xây chuồng gà tại nhà mình, G nói với T và H: “Đi lấy sắt đi” ý rủ T và H đi trộm cắp vòng bi của công ty V, T và H hiểu ý và đồng ý. G lấy xe mô tô Honda wave màu trắng biển kiểm soát 88G1 - 285.31 của G chở H và T về nhà H lấy xe cải tiến của gia đình H ở thị trấn G, B để chở vòng bi sắt. Sau đó, G điều khiển xe mô tô, H ngồi sau xe mô tô kéo theo xe cải tiến, T ngồi trên xe cải tiến đi đến thôn T, xã T, huyện B thì H nói: “để tao vào gọi thằng S”. G dừng xe lại cùng T đứng ngoài chờ, H đi vào nhà gặp bạn là Lê Hồng S, H nói: “S ơi, đi lấy sắt” ý rủ S đi trộm vòng bi sắt cùng H, G và T; S hiểu ý và đồng ý. Sau đó G điều khiển xe mô tô chở H ngồi sau kéo theo xe cải tiến, T và S ngồi trên xe cải tiến, đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày thì đến Công ty V. Quan sát xung quanh thấy không có người trông coi, G nói với T: “đứng ngoài trông xe và cảnh giới”, còn G, S và H đi vào trong nhà kho, H kéo theo xe cải tiến, khi vào đến kho thì thấy cửa sổ kho mở, G, S và H trèo qua cửa sổ vào trong nhà kho thấy có 01 vòng bi hình tròn bằng kim loại, đường kính rộng 62cm, kích thước 11cm × 19cm, nặng 240kg ở dưới nền nhà góc nhà tay phải hướng vào nhà kho. G, H và S lăn ra đến cửa sổ của kho để bê vòng bi lên mép cửa sổ, do vòng bi nặng quá nên H gọi: “T ơi”. Khoảng 5 phút sau thì T chạy vào và khiêng vòng bi lên mép cửa sổ, sau đó đưa xuống xe cải tiến để ở bên ngoài. Sau khi cho được vòng bi lên xe cải tiến thì T đi ra ngoài trước còn G, H và S kéo xe cải tiến chở vòng bi đi ra sau. Khi G, H, S kéo xe cải tiến đến gần cổng thì anh Trương Văn M là bảo vệ Công ty phát hiện ra và hô hoán “Trộm, trộm” thì G, H và S để lại xe cải tiến và vòng bi, bỏ chạy thoát; T để lại xe mô tô biển kiểm soát 88G1 - 285.31, bỏ chạy lên đồi đến khoảng 05 giờ 00 phút ngày 02/8/2017 khi T đi bộ về đến ngã ba thôn G, xã T thì bị Công an xã T phát hiện T có nhiều đặc điểm nghi vấn nên yêu cầu T về trụ sở Công an xã T làm việc. Tại Cơ quan công an Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản cùng với G, H và S như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, ngày 28/8/2017, Cơ quan điều tra – Công an huyện B đã triệu tập và bắt tạm giam đối với Dương Văn H; còn Đỗ Anh G và Lê Hồng S bỏ trốn. Ngày 19/9/2017, G bị Cơ quan điều tra - Công an huyện B bắt. Đến ngày 03/10/2017, S bị Cơ quan điều tra - Công an huyện B bắt.

Ngày 02/8/2017, Cơ quan Công an huyện B có Quyết định trưng cầu định giá tài sản số 69 trưng cầu Hội đồng định giá tài sản huyện B định giá 01 vòng bi bằng kim loại sáng màu, hình tròn khối, rỗng ở giữa, đường kính 62cm, kích thước kim loại 11cm × 19cm, nặng 240kg.

Tại kết luận định giá tài sản số 62 ngày 23/8/2017, Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận vòng bi nêu trên có trị giá là 3.760.000 đồng.

Ngày 09/9/2017, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông D tài sản bị trộm cắp. Nhận được tài sản, ông D không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại bản cáo trạng số 79/KSĐT-KT ngày 02/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh V đã truy tố các bị cáo Đỗ Anh G, Dương Văn H và Lê Hồng S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Anh G từ 10 tháng đến 12 tháng tù; Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Dương Văn H từ 08 tháng đến 10 tháng tù; Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Hồng S 06 tháng đến 08 tháng tù. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B còn đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Đỗ Anh G, Nguyễn Văn T, Dương Văn H và Lê Hồng S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 20 giờ 45 phút ngày 01/8/2017, Đỗ Anh G, Nguyễn Văn T, Dương Văn H, Lê Hồng S đã có hành vi lén lút, trộm cắp 01 vòng bi bằng kim loại sáng màu, hình tròn khối, rỗng ở giữa, đường kính 62cm, kích thước kim loại 11cm × 19cm, nặng 240 kg tại kho chứa đồ của Công ty trách nhiệm hữu hạn V; địa chỉ: Mỏ đá thuộc thôn G, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc trị giá 3.760.000 đồng.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có đủ cơ sở kết luận Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố các bị cáo Đỗ Anh G, Dương Văn H và Lê Hồng S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138; truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, không oan sai.

Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định:

“ 1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

...c, Tái phạm nguy hiểm...”

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của bảo vệ Công ty trách nhiệm hữu hạn V, lén lút trộm cắp tài sản là chiếc vòng bi tại kho chứa đồ của công ty trị giá là 3.760.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức được pháp luật bảo vệ. Gây mất trật tự trị an trên địa bàn và gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử phạt một cách nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt hội đồng xét xử cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Xét thấy:

Đối với bị cáo Đỗ Anh G, là người giữ vai trò chính, chủ mưu, khởi xướng, rủ rê việc phạm tội đồng thời tích cực thực hiện tội phạm. Bị cáo là người có nhân thân xấu, bản thân đã nhiều lần phạm tội và có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, không chịu tu dưỡng, rèn luyện, nay lại tiếp tục phạm tội, sau khi phạm tội đã bỏ trốn. Vì vậy phạm tội lần này là “tái phạm” là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo. Do đó bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xét thấy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T, là người giữ vai trò đồng phạm, tích cực thực hiện tội phạm. Bản thân có hai tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, lần gần nhất vào năm 2015, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã không lấy đó làm bài học, ngay sau khi chấp hành xong hình phạt tù bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy lần phạm tội này là “tái phạm nguy hiểm” – là tình tiết định khung hình phạt đối với bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xét thấy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện.

Đối với các bị cáo Dương Văn H là người giữ vai trò đồng phạm, tích cực thực hiện tội phạm. Bị cáo là người có nhân thân xấu, bản thân đã nhiều lần phạm tội nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, lười lao động, không chịu tu dưỡng,

rèn luyện, nay lại tiếp tục phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo. Do đó bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xét thấy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện.

Đối với bị cáo Lê Hồng S là người giữ vai trò đồng phạm, tích cực thực hiện tội phạm. Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng sau khi phạm tội đã bỏ trốn. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo. Do đó bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xét thấy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Đỗ Anh G, Nguyễn Văn T, Dương Văn H và Lê Hồng S đều không có nghề nghiệp, tài sản, thu nhập. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản trộm cắp là chiếc vòng bi trị giá 3.760.000 đồng. Ngày 09/9/2017, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản bị trộm cắp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn V do ông Phạm Văn D là đại diện theo ủy quyền nhận lại tài sản. Ông D không có yêu cầu bồi thường gì khác, vì vậy Tòa án không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô Honda wave màu trắng biển kiểm soát 88G1 - 285.31. Quá trình điều tra xác định là của Đỗ Anh G sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu bán phát mại, sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 xe cải tiến mà các bị cáo sử dụng làm phương tiện vận chuyển. Quá trình điều tra xác định là của bà Nguyễn Thị L (là mẹ bị cáo H). Ngày 01/8/2017, H lấy xe cải tiến đi trộm cắp bà L không biết, tại phiên tòa, bà L xác định giá trị chiếc xe cải tiến nhỏ, xe đã cũ nên không đề nghị trả lại. Vì vậy cần tịch thu bán phát mại, sung công quỹ Nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo Đỗ Anh G, Nguyễn Văn T, Dương Văn H và Lê Hồng S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Anh G, Nguyễn Văn T (Nguyễn Quang T), Dương Văn H và Lê Hồng S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Anh G 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo 19 tháng 9 năm 2017.

Áp dụng: Điểm c Khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo 02 tháng 8 năm 2017.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Dương Văn H 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo 28 tháng 8 năm 2017.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Hồng S 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo 03 tháng 10 năm 2017.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, bán phát mại sung công quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng biển kiểm soát 88G1 - 285.31 của Đỗ Anh G; 01 xe cải tiến của bà Nguyễn Thị L (là mẹ bị cáo H). Các tài sản trên có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng và tài sản ngày 19/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí. Buộc các bị cáo Đỗ Anh G, Nguyễn Văn T, Dương Văn H và Lê Hồng S, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- Viện KSND H.B;
- Trại TG- CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an H.B;
- Chi cục THADS H.B;
- Các bị cáo; các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Anh Vũ